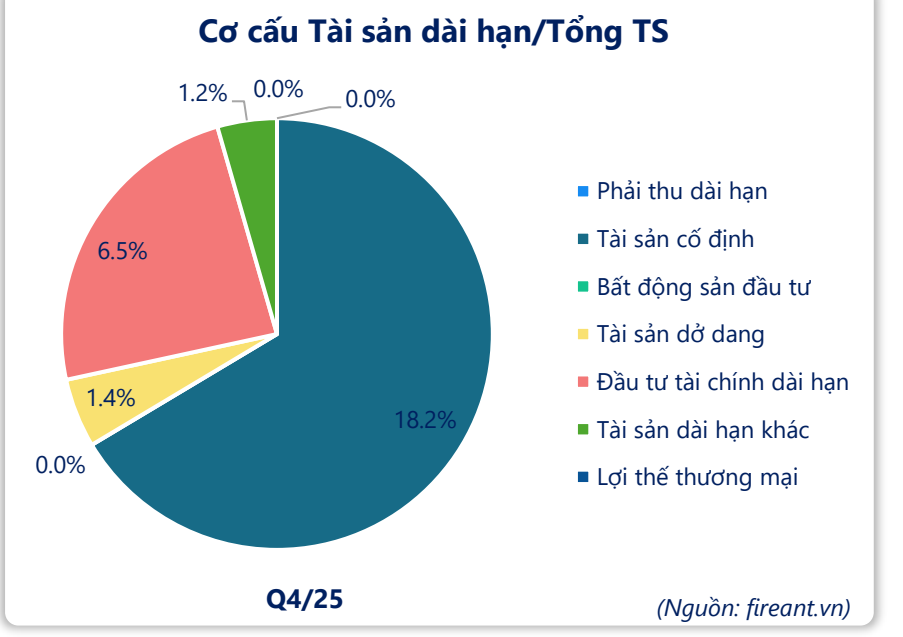
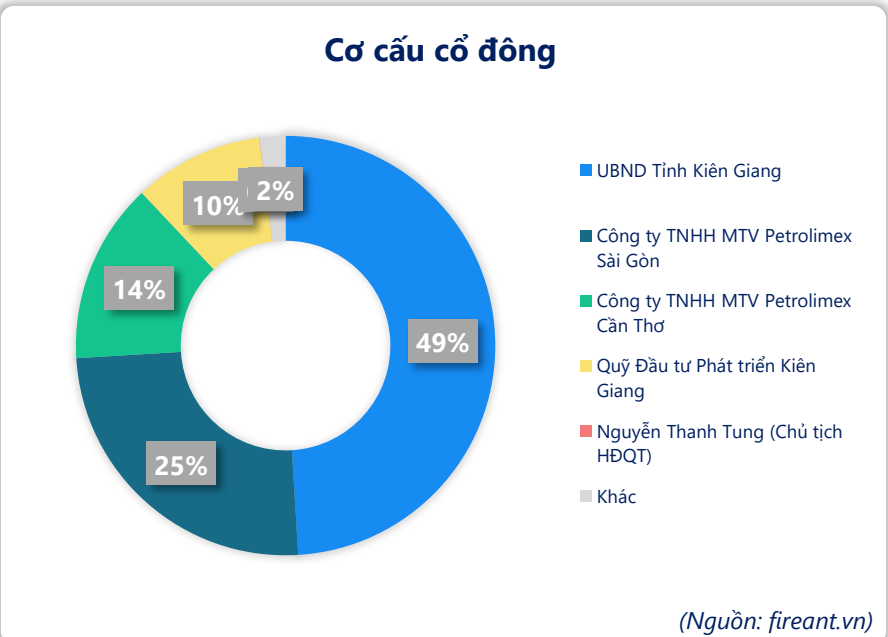
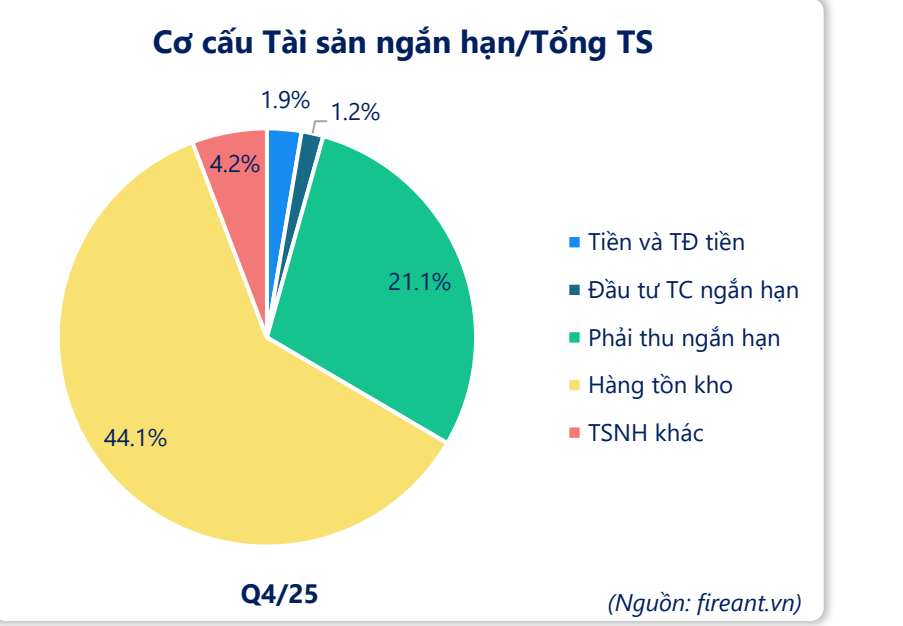
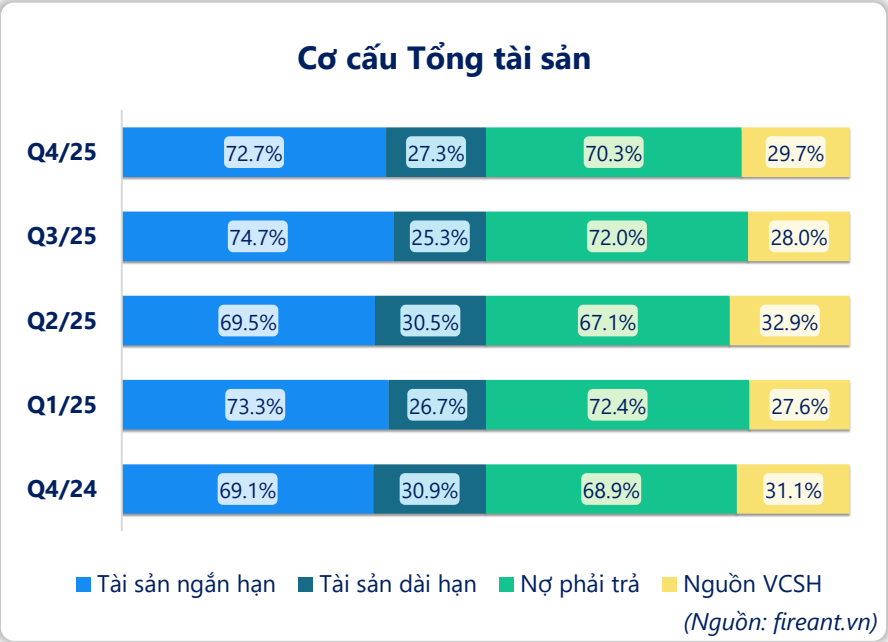
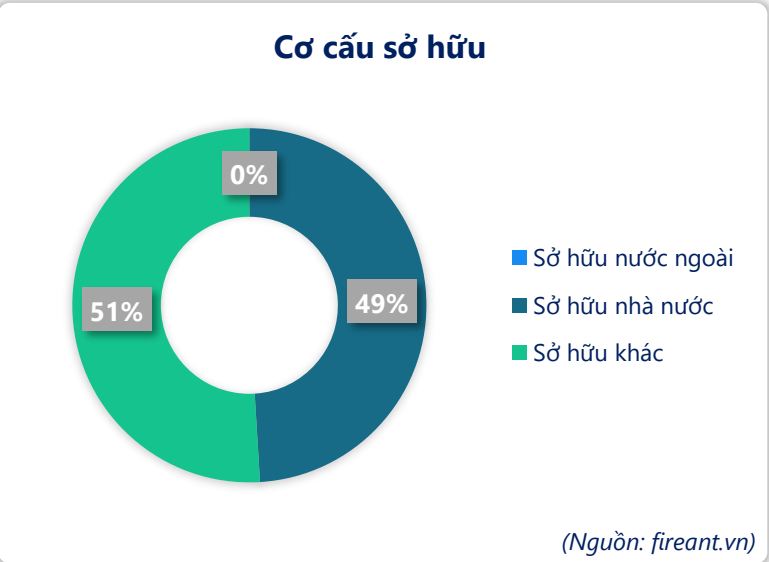
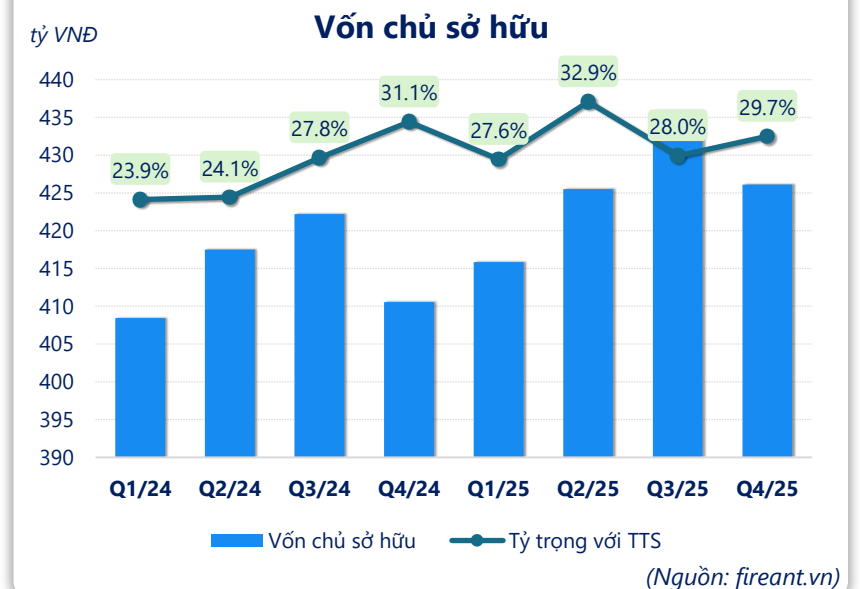
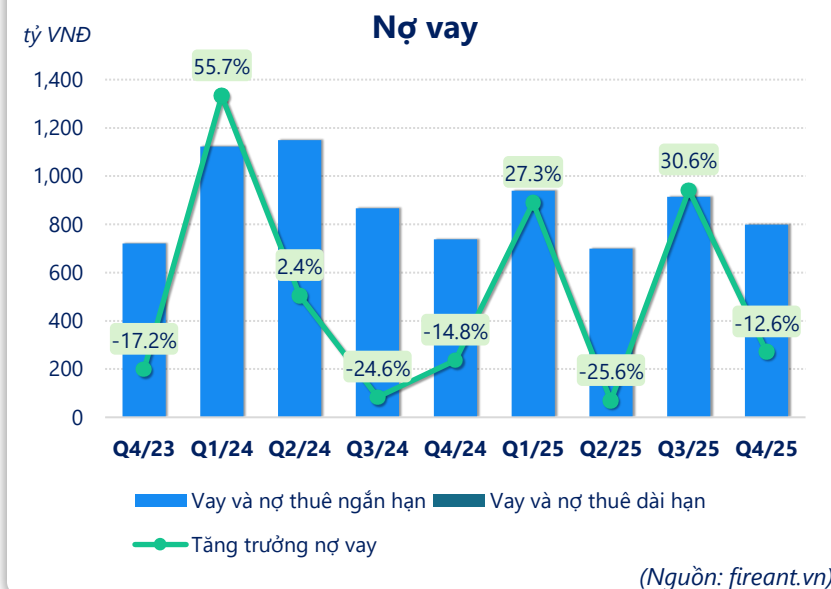
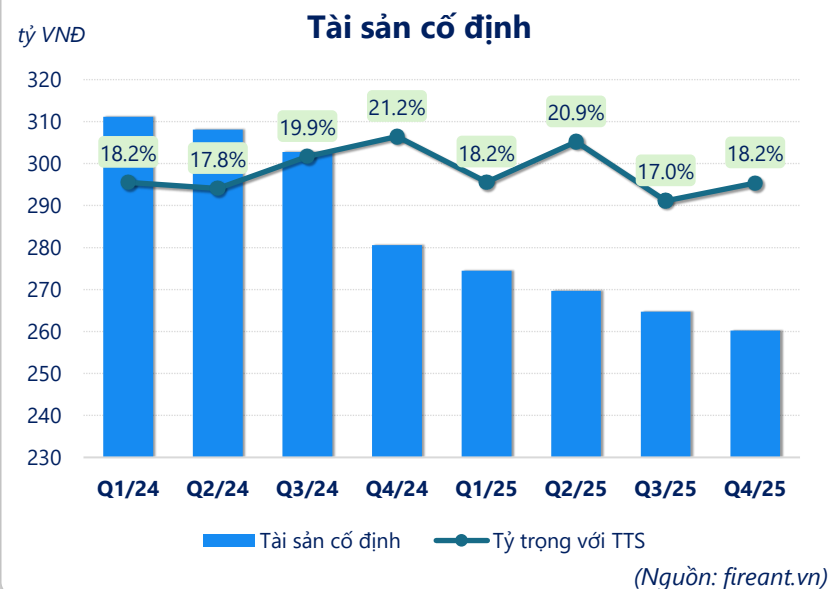
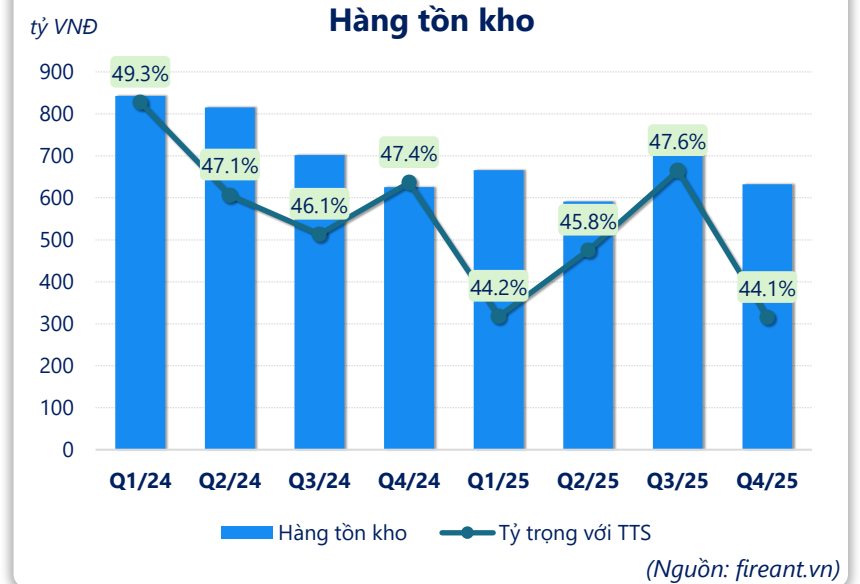
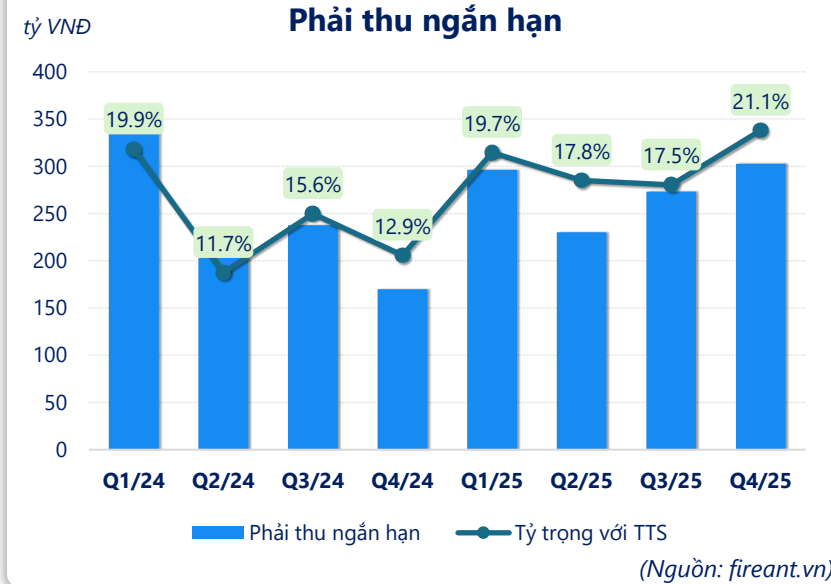
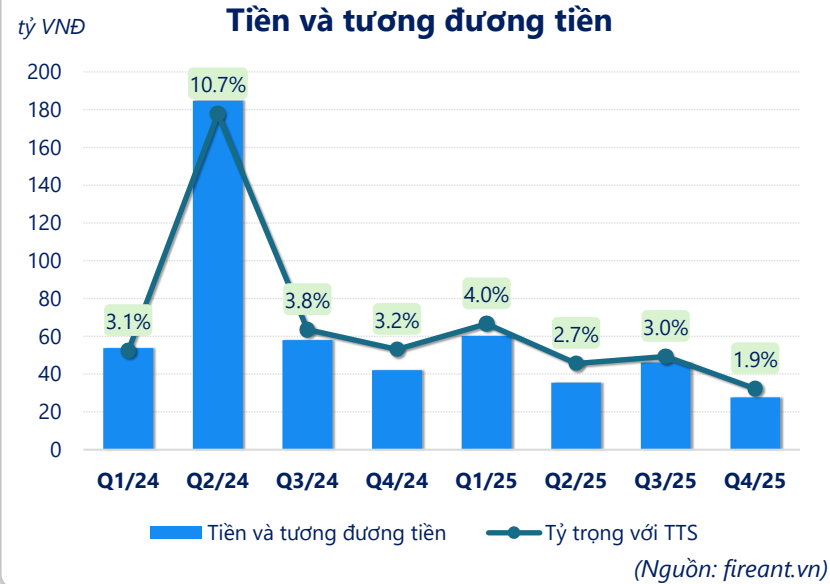
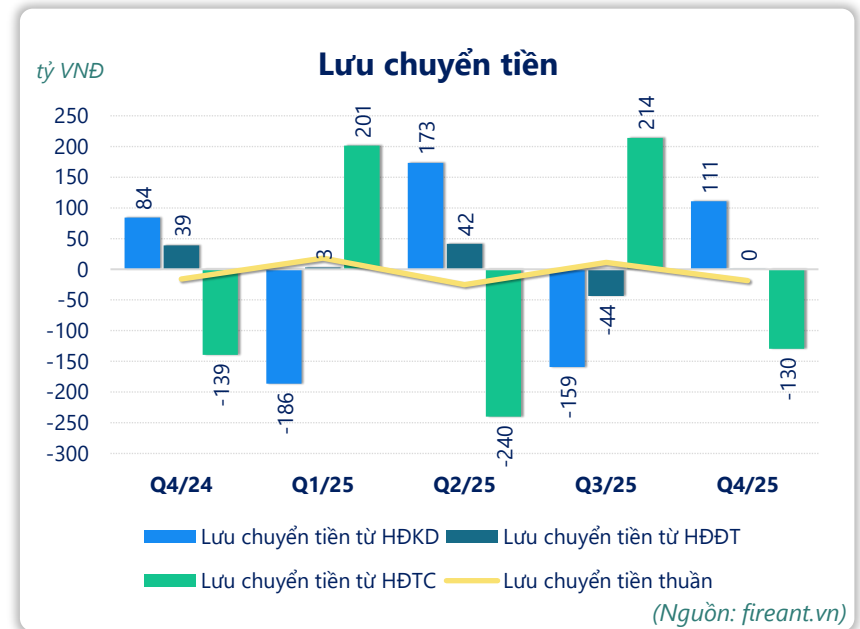
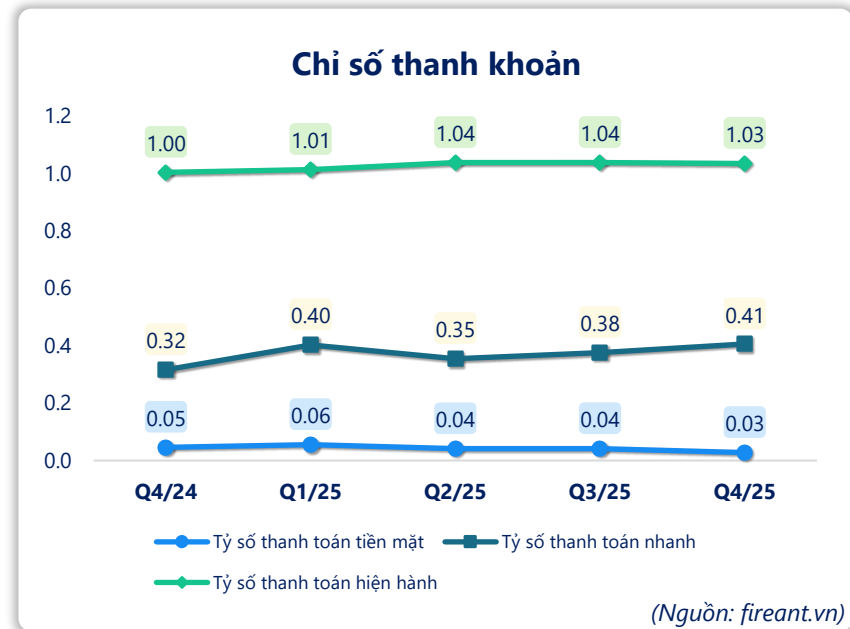
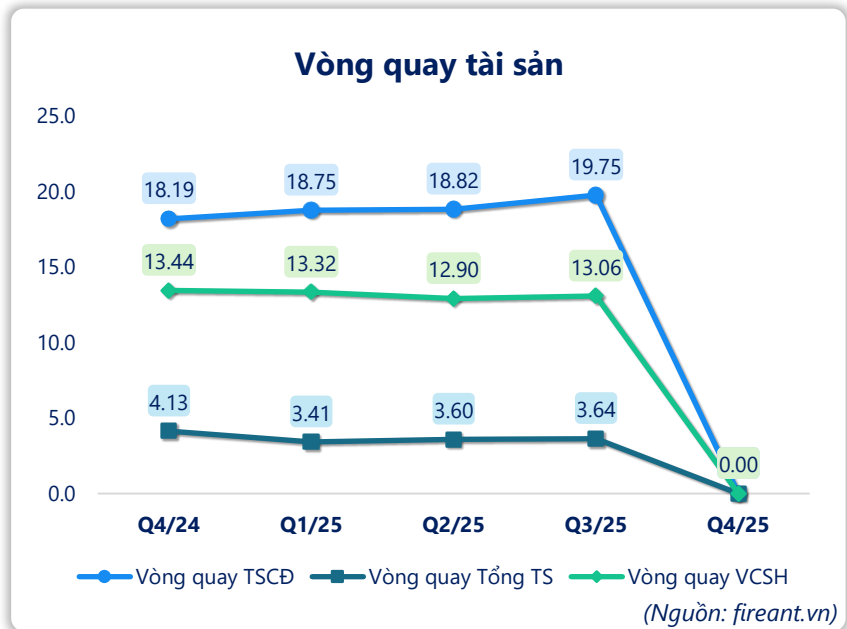
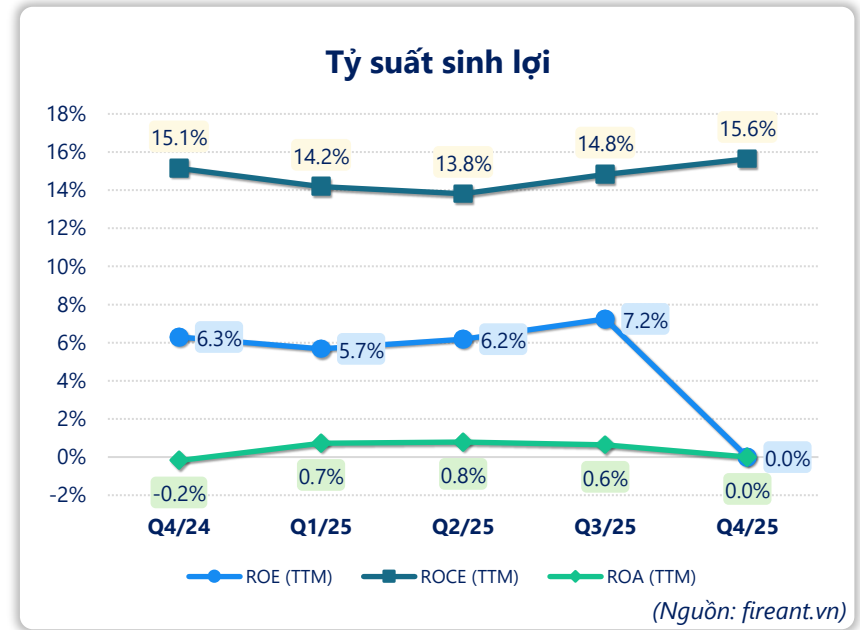
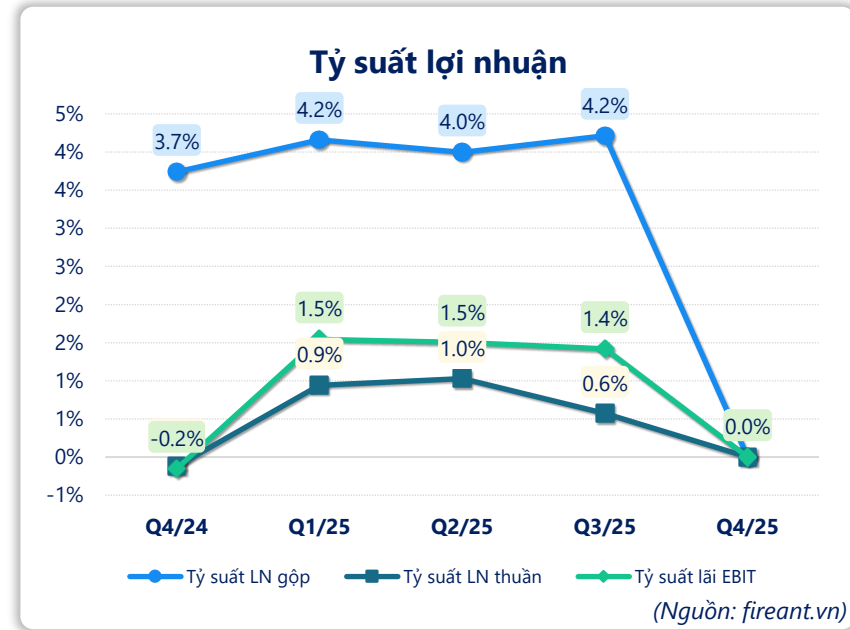
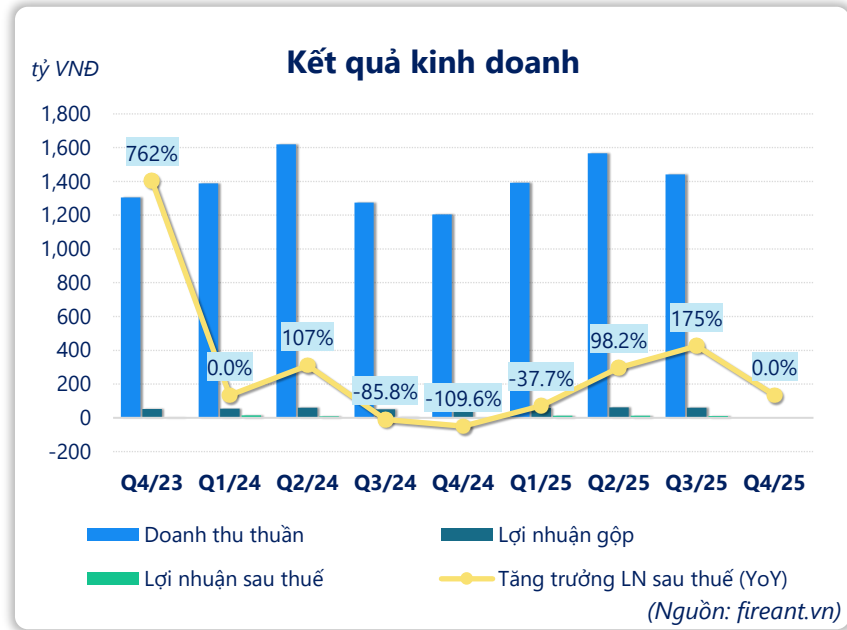


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,733
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,146
SL cổ phiếu LH		36,473,833
KLGD BQ 20 phiên (CP)		500
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		365
P/E		
EPS		

	YTD	1T	3T	6T
KTC	-2.5%	8.7%	2.3%	5.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,433	1,321	8.5%
Tài sản ngắn hạn	1,041	913	14.0%
Tiền và tương đương tiền	27.7	42.3	-34.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.5	56.7	-69.1%
Phải thu ngắn hạn	303	170	78.1%
Hàng tồn kho	633	626	1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	60.4	18.7	224%
Tài sản dài hạn	392	408	-3.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	260	279	-6.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	20.3	20.6	-1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	93.8	91.5	2.6%
Tài sản dài hạn khác	17.5	17.0	2.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,007	911	10.6%
Nợ ngắn hạn	1,007	911	10.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	799	738	8.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	66.4	59.0	12.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	426	410	3.8%
Vốn chủ sở hữu	426	410	3.8%
Vốn điều lệ	365	365	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,205	1,392	1,567	1,441	
Giá vốn hàng bán	1,160	1,334	1,504	1,380	
Lợi nhuận gộp	45.1	57.9	62.6	60.7	
Doanh thu HĐTC	6.18	3.58	10.9	3.08	
Chi phí TC	3.09	9.20	15.6	10.3	
Chi phí lãi vay	0.71	8.33	8.64	9.74	
LN trong công ty LKLD	1.60	5.27	1.30	8.06	
Chi phí bán hàng	27.8	32.7	31.5	35.7	
Chi phí QLDN	23.4	11.8	11.6	17.7	
LN thuần từ HĐKD	-1.44	13.1	16.1	8.21	
Lợi nhuận khác	-1.10	0.05	-1.24	2.49	
LN trước thuế	-2.54	13.2	14.9	10.7	
Lợi nhuận sau thuế	-2.44	11.8	12.0	9.81	
LNST của CĐ cty mẹ	-2.45	11.8	11.9	9.80	

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	84.4	-186	173	-159	111
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	39.0	3.00	41.6	-43.7	0.49
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-139	201	-240	214	-130
Tiền đầu kỳ	58.0	42.1	60.2	36.9	46.2
Lưu chuyển tiền thuần	-15.9	18.2	-25.1	11.1	-18.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	42.1	60.2	36.9	46.2	27.7

(Nguồn: fireant.vn)